

Số: / BC-SYT

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO
Công tác Y tế năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-BYT ngày 09/01/2020 của Bộ Y tế, ban hành Chương trình hành động của Bộ Y tế triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh về Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2020 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2020.

1. Các chỉ tiêu theo Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

STT	Chỉ số	Kế hoạch 2020	Thực hiện 08 tháng 2020	Ước thực hiện 2020
	Chỉ tiêu đầu vào			
01	Bác sĩ/ vạn dân (BS)	8,5	8,7	8,7
02	Giường bệnh/ vạn dân (GB)	20,6	20,6	20,6
	Chỉ tiêu về hoạt động			
03	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	98	67.4	98

STT	Chỉ số	Kế hoạch 2020	Thực hiện 08 tháng 2020	Ước thực hiện 2020
04	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100	100	100
	Chỉ tiêu đầu ra			
05	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống (‰)	< 27	9,7	< 27
06	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (‰)	< 8	1,0	< 8
07	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (‰)	< 14	1,4	< 14
08	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi còn suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi (%).	6,0	*	6,0
09	Mức giảm sinh (‰)	0,0	*	0,0
10	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%).	< 0,3	0,28	< 0,3
11	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân. (Người)	< 7	12,7	12,7

* Đánh giá vào cuối năm

2. Nhận xét:

Đến 8 tháng năm 2020, có 01 chỉ tiêu số người mắc ngộ độc thực phẩm/100.000 dân không đạt. Các chỉ tiêu còn lại đều đạt theo kế hoạch được giao. Một số chỉ tiêu phải đánh giá vào cuối năm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

1. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG

a) Tình hình dịch bệnh

- Tả (A00): 00; Viêm não nhật bản: 00; Viêm màng não do não mô cầu (A39): 00; Cúm A/H5N1: 00; Cúm A/H7N9: 00; Bệnh Ho gà: 00; Bệnh Bạch hầu: 00; Bệnh do vi rút Zika: 00; Bệnh do liên cầu lợn ở người: 00; Bệnh dại: 00; các dịch bệnh khác: 00; dịch bệnh đặc biệt: 00.

- Viêm não vi rút: 00, lũy tích 01. Cúm A/H1N1: 00, lũy tích 01. Sốt phát ban nghi sởi 00; lũy tích 32. Sốt ca sởi (+): 0, lũy tích 02. Thương hàn (A01): 03, lũy tích 22. Bệnh Quai bị: 07, lũy tích 126. Bệnh Thủy đậu: 18, lũy tích 284. Tay chân miệng: 56, lũy tích 337 (tăng 12 ca so cùng kỳ 2019). Sốt xuất huyết (A90): Tích lũy 1.293 trường hợp mắc, tử vong 00. Chiếm 56% chỉ tiêu 2020 (năm 2020 chỉ tiêu 2.318 cas). Giám sát xét nghiệm: chẩn đoán huyết thanh 16/200; phân lập vi rút 22/100.

Nhận xét: So sánh cùng kỳ 2019, bệnh Tay chân miệng tăng 12 ca, các cas bệnh khác đều giảm.

b) Tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh đến 12g00 ngày 16/8/2020:

- Ca bệnh:

- + Số người nhiễm: 37 (Đang điều trị 11; Ra viện 26)
- + Số người nghi nhiễm: 34 (34/34 cas có kết quả âm tính).

- Các hoạt động giám sát trong công tác phòng chống dịch Covid-19:

+ Giám sát tại cơ sở cách ly tập trung: Lũy tích 2.762 cas. Đã qua cách ly 14 ngày: 1.883 trường hợp. Hiện tại còn cách ly: 879 cas, sức khỏe ổn định.

+ Giám sát các trường hợp cách ly tại nhà, nơi lưu trú: Lũy tích từ 01/02/2020: 1.541 trường hợp. Đã qua 14 ngày cách ly: 1.396 trường hợp. Hiện đang cách ly tại nhà, nơi lưu trú: 145 trường hợp.

+ Số trường hợp tự theo dõi sức khỏe (các trường hợp đi về từ thành phố Đà Nẵng từ ngày 01/7/2020 đến nay và các địa điểm theo các thông báo khẩn của Bộ Y tế): 3.198 người. Sức khỏe ổn định.

+ Giám sát tại cửa khẩu: Số tàu và thuyền viên, khách được kiểm dịch: Số tàu nhập cảnh là 1.438; Số tàu xuất cảnh là 1.333. Tổng số thuyền viên nhập cảnh là 31.372 người; Tổng số thuyền viên xuất cảnh là 29.575 người đã kiểm dịch 100% thuyền viên nhập cảnh. Có 29 trường hợp thuyền viên có dấu hiệu sốt, ho, được lấy mẫu xét nghiệm, kết quả âm tính.

+ Giám sát xét nghiệm: Xét nghiệm 6.641 mẫu, số người được xét nghiệm là 2.997 người.

2. Hoạt động y tế dự phòng:

- UBND tỉnh đã phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện các chương trình y tế năm 2020: 28 chương trình, tổng kinh phí 33.176.345.735 đồng.

+ 08 chương trình y tế thường xuyên và các kế hoạch chuyên môn về công tác y tế dự phòng, tổng kinh phí là 8.933.379.000 đồng (Công văn 4149/UBND-VP ngày 27/4/2020).

+ 02 chương trình đề án tỉnh và chương trình khác: 1.342.216.000 đồng, trong đó: Y tế biển đảo, kinh phí là 164.118.000 đồng (Công văn số 5197/UBND-VP ngày 26/5/2020); Chăm sóc sức khỏe cho nạn nhân nhiễm dioxin là 1.178.098.000 đồng.

+ 19 chương trình mục tiêu y tế - dân số, tổng kinh phí là 23.958.997.000 đồng (Công văn số 5620/UBND-VP ngày 04/6/2020).

- Phòng chống dịch bệnh Covid-19:

+ Tiếp tục chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới theo chỉ đạo của các cấp.

+ Thường xuyên cập nhật, nắm bắt thông tin diễn biến dịch bệnh và triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả kịp thời.

+ Khẩn trương truy vết các trường hợp đi về từ thành phố Đà Nẵng từ ngày 01/7/2020 đến nay và các địa điểm theo các thông báo khẩn của Bộ Y tế, các trường hợp tiếp xúc gần với các trường hợp mắc bệnh, nghi ngờ mắc bệnh.

+ Triển khai các khu cách ly tập trung. Triển khai bệnh viện điều trị Covid-19 trên cơ sở sử dụng TTYT Long Điền.

3. Công tác phòng, chống HIV/AIDS:

3.1. Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Tính đến ngày 31/7/2020 số trường hợp nhiễm HIV là 4.919 người, số bệnh nhân AIDS hiện tại là 3.478 người, số người nhiễm HIV tử vong là 2.113 người, số người còn sống là 2.804 trường hợp.

3.2. Tình hình điều trị Methadone

- Số cơ sở điều trị Methadone: 03 cơ sở.
- Số huyện, thị, thành triển khai đề án: 03 huyện, thành phố.
- Tổng số bệnh nhân đang điều trị: 495 bệnh nhân.

3.3. Hoạt động kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS

- Tiếp tục mở rộng các hoạt động xét nghiệm phát hiện người nhiễm HIV chủ động, tập trung xét nghiệm HIV ở các khu vực trọng điểm, các nhóm nguy cơ cao, trong trại giam, thông qua hình thức xét nghiệm HIV dựa vào cộng đồng và tự xét nghiệm HIV.

- Tiếp tục mở rộng các hoạt động can thiệp, giảm tác hại, dự phòng lây nhiễm HIV, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone; tiếp tục rộng cấp phát bơm kim tiêm, bao cao su cho các đối tượng nguy cơ cao.

- Triển khai cấp phát thuốc ARV tại tuyến y tế cơ sở, cấp phát thuốc ARV nhiều tháng cho các bệnh ổn định. Tiếp tục huy động các nguồn tài chính cho công tác phòng, chống HIV/AIDS. Quản lý và tư vấn đối tượng nhiễm HIV. Phòng tránh hiệu quả lây truyền từ mẹ sang con.

4. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm:

4.1. Tình hình ngộ độc thực phẩm : Cộng dồn đến hết tháng 8: 06 vụ ngộ độc thực phẩm, 149 cas mắc, số cas tử vong: 00.

4.2. Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP).

Triển khai các hoạt động mua mẫu, lấy mẫu xét nghiệm giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm đối với thực phẩm ăn ngay, nước uống đóng chai, nước đá tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Giám sát, kiểm tra hoạt động ATTP các huyện, thị xã, thành phố.

4.3. Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm ATTP

Cộng dồn đến hết tháng 8: toàn tỉnh đã kiểm tra 5.596 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 5.040, chiếm tỷ lệ 90%, số cơ sở vi phạm là 553, số cơ sở bị xử lý là 27, số tiền nộp phạt là 166.200.000 đồng.

4.4. Kết quả xét nghiệm:

- Tổng số mẫu thực phẩm kiểm tra hàn the, formol, methanol, phẩm màu, dấm ăn, ... đạt 100%¹.
- Xét nghiệm mẫu thực phẩm tại labo TTYT dự phòng: 35 mẫu lý hóa; 58 mẫu vi sinh, không đạt 06 mẫu, chiếm 10,3%.

4.5. Công tác tuyên truyền:

Cộng dồn đến tháng 8: viết 216 bài báo về ATTP trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 588; Băng rôn tuyên truyền về ATTP: 88; Tờ rơi, áp phích: 9.448; Cấp phát băng đĩa hình: 02 đĩa; Cấp phát băng đĩa tiếng: 24 đĩa; Nói chuyện đài truyền thanh: 02 lần; Tập huấn, tuyên truyền kiến thức về ATTP: 03 lớp/81 người tham dự; Tổ chức lễ phát động ATTP và phòng chống dịch bệnh Xuân Canh Tý năm 2020: 01 lần; Tuyên truyền lưu động: 01 lần; Lên sóng truyền hình: 01 lần.

5. Công tác quản lý môi trường y tế:

5.1. Vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp:

- Số cơ sở quan trắc môi trường lao động: 01 cơ sở;
- Số cơ sở khám sức khỏe định kỳ/ tổng số người lao động được khám: 23 cơ sở/ 316 người;
- Số cơ sở khám phát hiện bệnh nghề nghiệp/ tổng số người lao động được khám: 03 cơ sở/ 77 người;
- Số lớp/Số người lao động được tập huấn vệ sinh lao động – bệnh nghề nghiệp, sơ cấp cứu: 00 lớp/ 00 người.

5.2. Công tác quản lý môi trường y tế:

Thực hiện lấy và xét nghiệm 56 mẫu nước tại 15 cơ sở cấp nước trên địa bàn tỉnh và tại một số trường học, trong đó bao gồm: Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu: 17 mẫu, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 21 mẫu, công ty cấp nước Tóc tiên: 15 mẫu, công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ: 03 mẫu. Kết quả đạt 35/35 mẫu (100%) theo QCVN 01:2009/BYT và 20/21 mẫu (95,2%) đạt theo QCVN 1-1/2018/BYT.

6. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình:

6.1. Hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình

¹ Tháng 8: 235 mẫu thực phẩm kiểm tra hàn the, đạt 235 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 189 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol, đạt 189 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 54 mẫu rượu kiểm tra Methanol, đạt 54 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 29 mẫu thực phẩm kiểm tra Phẩm màu, đạt 29 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 04 mẫu thực phẩm kiểm tra Salicilic, đạt 04 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 15 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit, đạt 15 mẫu, tỷ lệ đạt 100%, 03 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat, đạt 03 mẫu, tỷ lệ đạt 100%. Cộng dồn đến hết tháng 7: 2.641 mẫu thực phẩm kiểm tra hàn the, đạt 2.641 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 1.459 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol, đạt 1.459 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 493 mẫu rượu kiểm tra Methanol, đạt 493 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 203 mẫu thực phẩm kiểm tra Phẩm màu, đạt 203 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 42 mẫu thực phẩm kiểm tra Hypochloric, đạt 42 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 67 mẫu thực phẩm kiểm tra Dấm ăn, đạt 67 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 60 mẫu thực phẩm kiểm tra Salicilic, đạt 60 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 73 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit, đạt 73 mẫu, tỷ lệ đạt 100%; 51 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat, đạt 51 mẫu, tỷ lệ đạt 100%.

- Báo cáo quản lý hậu cần phương tiện tránh thai trên hệ thống Lmis theo quy định. Tiếp tục duy trì thực hiện năm 2020 với bao cao su và viên uống tránh thai nhãn hiệu NightHappy và một số sản phẩm của Đề án 818 trên địa bàn toàn tỉnh.

- Hoạt động sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh:

+ Giám sát hoạt động sàng lọc trước sinh và sơ sinh 6 tháng đầu năm 2020.

+ Sàng lọc trước sinh: thực hiện xét nghiệm và tư vấn trả kết quả sàng lọc trước sinh cho 1.001 thai phụ, trong đó có 03 cas nguy cơ cao và 02 cas nguy cơ ngưỡng hội chứng Down, thực hiện tư vấn chuyển tuyến cho thai phụ khám tại Bệnh viện Từ Dũ, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Sàng lọc sơ sinh: có 988 trẻ được sàng lọc sơ sinh, trong đó có 07 trẻ bị thiếu men G6PD đã được tư vấn cho gia đình cách phòng ngừa.

- Phối hợp truyền thông qua hệ thống loa đài phát thanh tại địa bàn dân cư về mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Duy trì sinh hoạt câu lạc bộ “Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân” các xã, phường, thị trấn.

- Tiếp tục thực hiện truyền thông, tư vấn và vận động về Dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng dân số, lồng ghép truyền thông cộng đồng về giới và bình đẳng giới trong dân số; kết hợp lồng ghép truyền thông phòng chống dịch bệnh Covid-19. Bên cạnh đó, tại tuyến huyện, tuyến xã tích cực tham gia hoạt động tư vấn và khám, lập sổ theo dõi sức khỏe người cao tuổi trong cộng đồng.

6.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về dân số

- Tổng số trẻ được sinh ra 08 tháng: 8.612 trẻ, giảm 471 trẻ so cùng kỳ năm 2019.

- Tổng số người sử dụng biện pháp tránh thai: 65.377 người, đạt 121,2% kế hoạch (kế hoạch giao 53.920 người).

7. Công tác phòng chống lao, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính:

7.1. Phòng, chống lao:

Tổng số khám phát hiện: 1.046, lũy tích 4.679. Số bệnh nhân lao mới 83, lũy tích 720; lao phổi mới 48, lũy tích 394. Số bệnh nhân điều trị khỏi chung 103/123; chiếm tỷ lệ 83,7%, trong đó lao phổi 61/67 chiếm 91%. Số quản lý điều trị lao kháng thuốc 04, lũy tích 21. Số quản lý điều trị lao trẻ em 03, lũy tích 07.

7.2. Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính:

- Tổng số khám sàng lọc: 141; lũy tích 860. Tổng số phát hiện: 32; lũy tích 274. Số bệnh nhân quản lý: 32; lũy tích 3.230.

8. Công tác Truyền thông – Giáo dục sức khỏe:

- Tích cực, kịp thời truyền thông phòng chống dịch bệnh Covid-19; Tăng cường tuyên truyền vận động để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi như: chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm, tăng cường luyện tập thể dục thể thao; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường, không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia...;

- Thực hiện truyền thông Chương trình Phòng chống dịch năm 2020; Chương trình TT-GDSK năm 2020; chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số năm 2020; Đề án "Phát triển y tế biển, đảo"; Dự án phòng chống tác hại của thuốc lá.

II. CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH

1. Y học hiện đại

1.1. Triển khai các hoạt động

- Thực hiện nghĩa vụ luân phiên; ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục trong khám chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện Bộ 83 tiêu chí chất lượng; đổi mới phong cách phục vụ, nâng cao ý thức; xây dựng cơ sở y tế "Xanh - Sạch - Đẹp" hướng tới sự hài lòng của người bệnh; thực hiện các chính sách khám chữa bệnh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, rút ngắn thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho bệnh nhân trong việc khám chữa bệnh.

1.2. Kết quả thực hiện

- Lũy tích 08 tháng đầu năm khám 1.592.199 lượt người². Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh là 99%, tuyến huyện là 25%³.

- Về y tế cơ sở: 100% các xã đạt chuẩn quốc gia y tế xã.

2. Công tác Y dược cổ truyền

2.1. Triển khai các hoạt động

- Đảm bảo cho người dân khám và điều trị bệnh tại khoa khám y học cổ truyền đạt chất lượng.

- Giải quyết đúng chế độ chính sách cho các đối tượng đến khám, chữa bệnh theo Luật Khám chữa bệnh.

2.2. Kết quả thực hiện

² Tổng số lần khám tuyến tỉnh 659.213 lượt khám. Trong đó: BV Lê Lợi 308.877; BV Bà Rịa 350.336; Tuyến huyện 693.498. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 109.193; TTYT Long Điền 110.250; TTYT Phú Mỹ 72.692; TTYT Châu Đức 93.054; TTYT Côn Đảo 14.750; TTYT Đất Đỏ 76.875; TTYT TP Vũng Tàu 134.874; TTYT TP Bà Rịa 81.810. Tuyến xã 239.488 lượt khám. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 33.367; TTYT Long Điền 63.246; TTYT Phú Mỹ 4.616; TTYT Châu Đức 32.170; TTYT Đất Đỏ 16.901; TTYT TP Vũng Tàu 85.440; TTYT TP Bà Rịa 3.748.

³ Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh 99%. Trong đó: Bệnh viện Lê Lợi 84%; Bệnh viện Bà Rịa 113%. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện 25%. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 42%; TTYT Long Điền 49%; TTYT Phú Mỹ 19%; TTYT Châu Đức 29%; TTYT Đất Đỏ 28%; TTYT Côn Đảo 8%.

Lũy tích 8 tháng đầu năm khám 233.866 lượt người. Trong đó: Tuyến tỉnh 47.717 lượt khám; Tuyến huyện 144.396 lượt khám; Tuyến xã 41.753 lượt khám.

Nhận xét:

Hoạt động khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên về số lượng và chất lượng, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa khám chữa bệnh hiện đại và khám chữa bệnh y học cổ y truyền trong công tác khám chữa bệnh.

3. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em:

3.1. Triển khai các hoạt động.

Duy trì các hoạt động để thực hiện chỉ tiêu giao và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm CSSKSS. Các huyện đang tiến hành giám sát quý III tại các trạm y tế xã/phường. Tham dự 03 lớp tập huấn online do bệnh viện Từ Dũ tổ chức.

3.2. Kết quả thực hiện

3.2.1. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ

- Tổng số lần khám phụ khoa cho phụ nữ 15-49 là 182.500.
- Tổng số người đẻ đến tháng 8 là 10.299. Trong đó: Thai phụ sanh có cán bộ y tế đỡ là 10.265, đạt 99,7%.
- Bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc trong tuần lễ đầu sau khi sanh là 7.780, đạt 90,4%.
- Tai biến sản khoa là 168, chiếm tỷ lệ 16,3‰ (chỉ tiêu <15,3‰).
- Tổng số bà mẹ chết do nguyên nhân chữa đẻ trong tháng 00.

3.2.2. Bảo vệ sức khỏe trẻ em:

- Trẻ sinh ra dưới 2500g là 430, chiếm tỷ lệ 4,2%, (chỉ tiêu <4%).
- Số trẻ em tử vong dưới 1 tuổi là 10, chiếm tỷ lệ 1‰ (chỉ tiêu <8‰).
- Số trẻ em tử vong dưới 5 tuổi là 14, chiếm tỷ lệ 1,4‰ (chỉ tiêu <14‰).
- Số liệu đẻ rơi tính đến tháng 8 năm 2020 là 30 cas. Trong đó: Vũng Tàu 03; Bà Rịa 05; Phú Mỹ 05; Long Điền 06; Đất Đỏ 01; Xuyên Mộc 02; Châu Đức 03; Nơi khác 05.

III. THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC TRỌNG TÂM CHUYÊN ĐỀ

1. Công tác Văn phòng:

- Cải cách thủ tục hành chính không đặt thêm bất kỳ thủ tục hoặc giấy tờ ngoài quy định. Chấp hành đúng các quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Tham mưu trình UBND tỉnh công bố 02 thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường.

- Thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng thời gian, đúng quy định hồ sơ một cửa và một cửa liên thông.

- Kiểm tra công vụ về thủ tục hành chính tại Bệnh viện Bà Rịa, TTYT thị xã Phú Mỹ, TTYT huyện Xuyên Mộc, TTYT Dự Phòng, CC ATVSTP, Bệnh viện Tam thân, Bệnh viện YHCT.

2. Công tác Thanh tra, kiểm tra:

2.1. Công tác kiểm tra:

Số liệu cộng dồn đến tháng 8 năm 2020: Tổng số cơ sở được kiểm tra: 6.443. Số cơ sở vi phạm: 679 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 633 cơ sở; Xử phạt: 46 cơ sở, số tiền phạt là 112 triệu.

2.1.1. Kiểm tra cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân:

Số liệu cộng dồn 8 tháng năm 2020: Tổng số cơ sở Y học hiện đại được kiểm tra: 160. Số cơ sở vi phạm: 22 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 22 cơ sở. Tổng số cơ sở YHCT được kiểm tra: 78. Số cơ sở vi phạm: 04 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 04 cơ sở;

2.1.2. Kiểm tra cơ sở Dược công lập và Dược tư nhân:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Tổng số cơ sở được kiểm tra 306 cơ sở. Số cơ sở vi phạm: 37. Trong đó: Nhắc nhở: 33 cơ sở; Phạt tiền: 04 cơ sở.

b) Thanh tra Sở: 84 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 27 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 13 cơ sở; Phạt tiền: 13 cơ sở; Đang xử lý: 01 cơ sở.

2.1.3. Kiểm tra cơ sở kinh doanh mỹ phẩm:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: 97 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 04. Trong đó: Nhắc nhở: 03 cơ sở; Phạt tiền 01 cơ sở.

b) Thanh tra Sở: 06 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 02. Trong đó: Nhắc nhở: 43 cơ sở.

2.2. Công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Số liệu cộng dồn đến tháng 8 năm 2020: Số lượt tiếp công dân: 01; Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: 25 đơn (trùng 01 đơn). Kết quả xử lý: Chuyển 08; thụ lý 12 (đã giải quyết 5, đang giải quyết 5); không thụ lý 04 (02 cấp trên giải quyết, 01 không đủ điều kiện).

2.3. Phản ánh trên Đường dây nóng Lãnh đạo tỉnh

Tiếp nhận trong kỳ: 41. Xử lý, giải quyết dứt điểm: 37.

2.4. Phản ánh trên Đường dây nóng Bộ Y tế

Tiếp nhận trong kỳ: 54. Xử lý, giải quyết dứt điểm: 47.

3. Công tác Nghiệp vụ:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống COVID-19 trong tình hình mới, tăng cường quyết liệt phòng và kiểm soát lây nhiễm COVID-19 trong các cơ sở khám chữa bệnh. Giám sát, tiếp nhận các chuyên gia cách ly y tế thuộc các công ty hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Số liệu khám chữa bệnh cho người cao tuổi đến tháng 8/2020 là 31.696/96.461 người, đạt 33%.

- Công tác cấp cứu được chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, dự trữ cơ sở thuốc phục vụ bệnh nhân, thực hiện công tác liên thông giữa các bệnh viện, chủ động phòng chống dịch bệnh, đảm bảo công tác trực cấp cứu.

- Phối hợp với BHXH xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung năm 2020 -2022 cho các cơ sở khám chữa bệnh. Hiện đang cùng BHXH xem xét, rà soát danh mục thuốc sau khi đơn vị giải trình, điều chỉnh danh mục. Đã phối hợp BHXH tỉnh thẩm định xong và đã trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

4. Công tác Kế hoạch Tài chính:

- Theo dõi tiến độ thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, nhận xét, đánh giá, đề xuất phương hướng xử lý những vấn đề phát sinh.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt cấp kinh phí phòng chống dịch Covid-19 cho TTYT thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ, TTYT Xuyên Mộc, Bệnh viện Bà Rịa; trình UBND tỉnh dự toán mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phòng chống dịch Covid-19.

- Hợp rút kinh nghiệm quyết toán tài chính năm 2019.

- Triển khai xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 và dự toán ngân sách 03 năm 2021-2023.

- Kiểm tra, giám sát quản lý chất thải y tế, trang thiết bị y tế, công tác tài chính 6 tháng đầu năm 2020.

5. Công tác chuyên môn khác:

5.1. Giám định y khoa:

- Số liệu 08 tháng: Số ca giám định: 2.768. Trong đó: Giám định thương binh 02; Giám định chất độc hóa học 24; Giám định tai nạn lần đầu 71; Giám định bệnh nghề nghiệp lần đầu 46; Giám định hưu trí 139; Khám sức khỏe 2.459; Giám định khuyết tật 11; Giám định tai nạn lao động tái phát 03; Giám Định hưởng trợ cấp tuất 01; Giám Định hưởng BHXH 1 lần 01; Giám định khác 11.

5.2. Giám định pháp y:

- Số liệu cộng dồn 08 tháng: Số ca giám định: 282. Trong đó: Giám định thương tật 214; Giám định tử thi 19; Giám định tình dục 35; Giám định khác 14.

5.3. Công tác đào tạo:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tiến độ năm học 2019-2020 với các lớp chính quy, đào tạo ngắn hạn, liên tục.

- Triển khai kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2020: Thông báo kế hoạch thi tốt nghiệp cho học sinh các lớp niên khóa 2018-2020.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 4 THÁNG CUỐI NĂM 2020.

1. Các cơ sở khám chữa bệnh hoạt động trở lại bình thường để phục vụ cho người dân. Sẵn sàng tiếp nhận, điều trị bệnh nhân mắc Covid-19 theo kế hoạch; duy trì 4 tại chỗ.

2. Tiếp tục thực hiện 11 chỉ tiêu cơ bản, 14 nhóm nhiệm vụ và giải pháp, 20 nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch số 17/KH-SYT ngày 30/01/2020 của Sở Y tế.

3. Sơ tổng kết các nhiệm vụ, chương trình giai đoạn 2016-2020:

- Chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016 – 2020. Chương trình đề án tỉnh, các nhiệm vụ thường xuyên và chương trình y tế dự phòng giai đoạn 2016-2020. Chương trình nâng cao chất lượng cuộc sống người dân

- Đề án nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập.

- Đánh giá kế hoạch 2016 – 2020, xây dựng kế hoạch phát triển y tế 5 năm 2021-2025.

4. Về chuyên môn:

- Tiếp tục tập trung phòng chống dịch Covid-19; chủ động phòng chống dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng, dịch bệnh mùa hè: tiêu chảy cấp, bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa.

- Thực hiện Kế hoạch chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; Kế hoạch nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin y tế: Tiếp tục cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử; thanh toán chi phí y tế không dùng tiền mặt. Triển khai kế hoạch y tế thông minh ngành Y tế giai đoạn 2020 – 2025.

5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc.

- Kiểm tra trách nhiệm thủ trưởng, quản lý chất thải y tế, trang thiết bị y tế tại các đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện mua sắm, đầu tư trên cơ sở định mức sử dụng tài sản công. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành. Thực hiện đấu thầu thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế theo quy định.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2021

1. Mục tiêu phát triển.

Mục tiêu chung:

- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện mạng lưới y tế của tỉnh đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

- Chủ động giám sát dịch tễ để phát hiện, phòng chống sớm, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, đặc biệt là các bệnh dịch nguy hiểm, mới phát sinh... Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu Y tế-Dân số và các chương trình, đề án của tỉnh. Giảm tỷ lệ mắc bệnh tật và tử vong, cải thiện chất lượng dân số.

- Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh. Bảo đảm đủ thuốc thiết yếu phục vụ công tác điều trị.

- Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe.

2. Các chỉ tiêu cơ bản.

Stt	Chỉ số	Kế hoạch 2021
	Chỉ tiêu đầu vào	
01	Bác sĩ/ vạn dân (BS)	8,9
02	Giường bệnh/ vạn dân (GB)	20,3
03	Trạm y tế xã phường có bác sỹ làm việc (%)	100
	Chỉ tiêu về hoạt động	
04	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	98
05	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100
	Chỉ tiêu đầu ra	
06	Tuổi thọ trung bình	76,5
07	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (‰)	10,2
08	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống (‰)	< 27
09	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (‰)	< 8
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (‰)	< 14
11	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	< 0,3
12	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân (Người)	< 7

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2021:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

1.1. Xây dựng chính sách, tổ chức thi hành pháp luật.

Sở Y tế hoàn thành xây dựng các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW về công tác y tế trong tình hình mới⁴.

1.2. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức.

- Duy trì các trạm y tế trên địa bàn có cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh vì trạm y tế xã có nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác dự phòng, nâng cao sức khỏe, theo dõi, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn⁵.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Phấn đấu hoàn thành mục tiêu tinh giản biên chế theo Nghị quyết 39-NQ/TW. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện phân cấp gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các đơn vị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cáo trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Chuẩn bị các điều kiện đưa Bệnh viện Đa khoa thành phố Vũng Tàu vào hoạt động.

- Xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch Thanh tra năm 2021. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

2. Tổ chức điều hành dự toán ngân sách năm 2021 chặt chẽ, hiệu quả, công khai minh bạch.

- Thực hiện tốt công tác phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021; hướng dẫn các đơn vị thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, thực hiện chi ngân sách nhà nước hiệu quả, theo dự toán được giao.

- Thực hiện mua sắm, đầu tư trên cơ sở định mức sử dụng tài sản công. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành. Thực hiện đấu thầu thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa lĩnh vực y tế; khuyến khích liên doanh, liên kết nhằm huy động các nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển y tế.

3. Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế.

⁴ Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 06/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 13/09/2018 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 06/08/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. KH số 164/KH-SYT ngày 04/12/2018 của Sở Y tế.

⁵ Báo cáo số 726/BC-BYT ngày 19/7/2018 của Bộ Y tế.

Triển khai phương án quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế và hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

4. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới.

- Tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực của y tế cơ sở, triển khai mô hình trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình, quản lý sức khỏe đến từng người dân.

- Thực hiện khám, chữa bệnh theo phân tuyến và theo Thông tư 39/2017/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở. Thực hiện phân loại để quản lý, theo dõi, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính tại trạm y tế xã.

- Thực hiện đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên bác sỹ từ trung tâm y tế về trạm y tế xã và ngược lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức y tế xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trạm y tế xã, khám chữa bệnh từ xa.

5. Chủ động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm.

- Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh. Chủ động giám sát dịch, phát hiện sớm và chủ động dập dịch kịp thời không để dịch lớn xảy ra, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm. Giám sát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch truyền nhiễm không để dịch bệnh xâm nhập, đặc biệt không chủ quan, lơ là với các dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi.

- Tiếp tục nâng cao tỷ lệ và chất lượng tiêm chủng mở rộng đạt trên 98%. khai đồng bộ Chương trình mục tiêu y tế - dân số và các chương trình, đề án của tỉnh, các chương trình chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên. Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng và tăng cường năng lực giám sát bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai Kế hoạch phòng, chống lao giai đoạn 2018-2020 và tầm nhìn 2030⁶; Kế hoạch loại trừ bệnh phong quy mô cấp huyện đến năm 2023 trên địa bàn tỉnh⁷.

6. Tăng cường hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục nâng cao sức khỏe.

- Tăng cường tuyên truyền vận động để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi như: chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm, tăng cường luyện tập thể dục thể thao; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường, không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia...

⁶ KH số 121/KH-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.

⁷ KH số 101/KH-UBND ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh⁸; Kế hoạch nâng cao chất lượng cuộc sống người dân ngành Y tế tỉnh BRVT giai đoạn 2019 - 2025⁹.

7. Phòng, chống HIV/AIDS.

- Mở rộng hoạt động xét nghiệm phát hiện người nhiễm HIV chủ động, tập trung xét nghiệm HIV ở các khu vực trọng điểm, các nhóm nguy cơ cao, trong trại giam, thông qua hình thức xét nghiệm HIV dựa vào cộng đồng và tự xét nghiệm HIV.

- Mở rộng các hoạt động can thiệp, giảm tác hại, dự phòng lây nhiễm HIV, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone; tiếp tục mở rộng cấp phát bơm tiêm tiêm, bao cao su cho các đối tượng nguy cơ cao.

- Tiếp tục triển khai công tác truyền thông phòng chống HIV/AIDS tận xã, phường, giám sát định kỳ hàng tháng. Quản lý và tư vấn đối tượng nhiễm HIV. Phòng tránh hiệu quả lây truyền từ mẹ sang con.

8. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận dưới 07 người/100.000 dân.

- Chủ động giám sát ô nhiễm thực phẩm, giám sát môi nguy an toàn thực phẩm, lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu đánh giá ô nhiễm về vi sinh, hóa học để cảnh báo sớm tới cộng đồng.

- Tiếp tục đẩy mạnh thông tin truyền thông dưới nhiều hình thức để nâng cao nhận thức của các đối tượng tham gia sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm; chủ động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác kiểm tra các cơ sở, chất lượng kiểm tra các cơ sở, xử lý nghiêm các cơ sở cố tình vi phạm về an toàn thực phẩm. Tập trung kiểm tra, giám sát, bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các loại thực phẩm tươi sống, sử dụng hằng ngày cho người dân.

9. Dân số, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản:

a) Dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Chủ động duy trì vững chắc mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

b) Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

⁸ Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh.

⁹ QĐ số 1806/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh; QĐ số 729/QĐ-SYT ngày 12/9/2019 của SYT.

- Phân đầu đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi chiều cao/tuổi: 17,8%; Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi: < 8‰; Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi: < 14‰.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ y tế làm công tác sản khoa, sơ sinh các tuyến. Ưu tiên các lớp cho Hộ sinh, đào tạo tiền lâm sàng, cấp cứu hồi sức sản khoa, sơ sinh; Quy chế chuyển tuyến cấp cứu sản khoa và sơ sinh.

- Giám sát tử vong mẹ và đáp ứng; Hồi sức sơ sinh trong phòng sinh; ổn định trẻ sơ sinh sau hồi sức; hỗ trợ trẻ thở, thiết lập và vận hành có hiệu quả đơn nguyên sơ sinh; triển khai rộng rãi quy trình lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh tại tuyến y tế cơ sở; Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật của tuyến trên xuống tuyến dưới, tập trung ưu tiên các nội dung: Phòng chống tai biến sản khoa, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh.

10. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để giảm quá tải, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh.

a) Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất dịch vụ y tế; tăng cường chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới, thực hiện nghĩa vụ luân phiên; cải cách thủ tục trong khám, chữa bệnh. Thực hiện liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán theo lộ trình. Triển khai tiếp tục đề án thí điểm thuê chuyên gia y tế trong nước, Đề án Bệnh viện Bà Rịa văn minh, thân thiện, hiện đại.

- Thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện với 83 tiêu chí, làm cơ sở để xác định thực trạng và cải tiến chất lượng bệnh viện, cải tiến mạnh mẽ trong việc kiểm tra, đánh giá bệnh viện, làm cơ sở để gắn giá dịch vụ với chất lượng dịch vụ sau này.

- Tiếp tục nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế; tăng cường khảo sát sự hài lòng của người bệnh.

c) Y dược học cổ truyền:

- Tiếp tục thực hiện việc kết hợp giữa y học cổ truyền và y học hiện đại trong khám chữa bệnh tại các bệnh viện từ tuyến tỉnh đến trạm y tế. Phát huy hiệu quả của bệnh viện y học cổ truyền. Triển khai các nhiệm vụ mới về quản lý toàn diện về dược liệu và thuốc cổ truyền.

11. Phát triển nhân lực y tế và ứng dụng khoa học công nghệ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2015-2021 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Công tác quy hoạch cán bộ: Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp thời, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định khi bổ nhiệm.

- Công tác tinh giản biên chế theo lộ trình. Tuyển dụng nhân sự theo nhu cầu và số lượng người làm việc được giao.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin y tế: Hồ sơ bệnh án điện tử, Hồ sơ sức khỏe điện tử, hội chẩn qua mạng, Đề án xây dựng hệ thống Y tế thông minh, an toàn thực phẩm thông minh, giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030, triển khai hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa tại Côn Đảo, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

12. Công tác Dược, trang thiết bị và công trình y tế.

a) Dược:

- Đảm bảo đủ thuốc chữa bệnh theo Danh mục thuốc thống nhất toàn ngành, không để người bệnh nội trú phải tự mua thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện chiến lược quốc gia phát triển ngành dược tỉnh BRVT giai đoạn 2019-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cơ sở dữ liệu 100% cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh nhằm kiểm soát xuất xứ, giá, nguồn gốc thuốc mua vào, bán ra, hạn dùng và chất lượng thuốc... Qua đó kiểm soát việc kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn theo Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn và bán thuốc theo đơn của Bộ Y tế.

b) Trang thiết bị (TTB):

- Tiến hành đánh giá hiện trạng và nhu cầu TTB y tế tại cơ sở y tế các tuyến; rà soát, cập nhật danh mục TTB y tế thiết yếu cho các cơ sở y tế.

- Tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa TTB y tế. Các đơn vị ưu tiên cho việc bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa TTB và cơ sở hạ tầng. Thực hiện kiểm chuẩn và kiểm định TTB y tế.

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa Bà Rịa, Bệnh viện Đa khoa thành phố Vũng Tàu và dự án trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí, Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc và Trung tâm Y tế huyện Châu Đức.

- Đầu tư trang thiết bị y tế bằng nguồn ngân sách thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đã có định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng.

c) Công trình y tế:

- Hoàn tất việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán tất cả các dự án đầu tư xây dựng do Sở Y tế làm chủ đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các Ban Quản lý dược UBND tỉnh giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư để bảo đảm chất lượng, tiến độ các dự án thuộc ngành y tế.

- Tiến hành các thủ tục cải tạo, sửa chữa nhỏ, duy tu, bảo trì cơ sở vật chất các đơn vị trong ngành bằng nguồn vốn sự nghiệp khi được UBND tỉnh bố trí.

13. Tài chính y tế.

- Cơ chế quản lý và giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

- Thực hiện lộ trình điều chỉnh giá theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, từng bước tính đúng, tính đủ chi phí trong giá dịch vụ công.

- Triển khai thực hiện Thông tư 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 và Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế, Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế và nguyên tắc áp dụng giá khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

14. Thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và bảo đảm khu vực phòng thủ tỉnh; tăng cường năng lực các cơ sở kết hợp quân dân y; đề án phát triển y tế biển đảo; phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

Trên đây là báo cáo đánh giá hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của ngành Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu./.

Nơi nhận:

- TTr.TU;
- TTr.HĐND tỉnh;
- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các PGĐ SYT;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các Phòng Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh An